QUY HOẠCH ĐÃ DUYỆT (QĐ SỐ: 2076/QĐ-UBND NGÀY 15/ 05/2025)

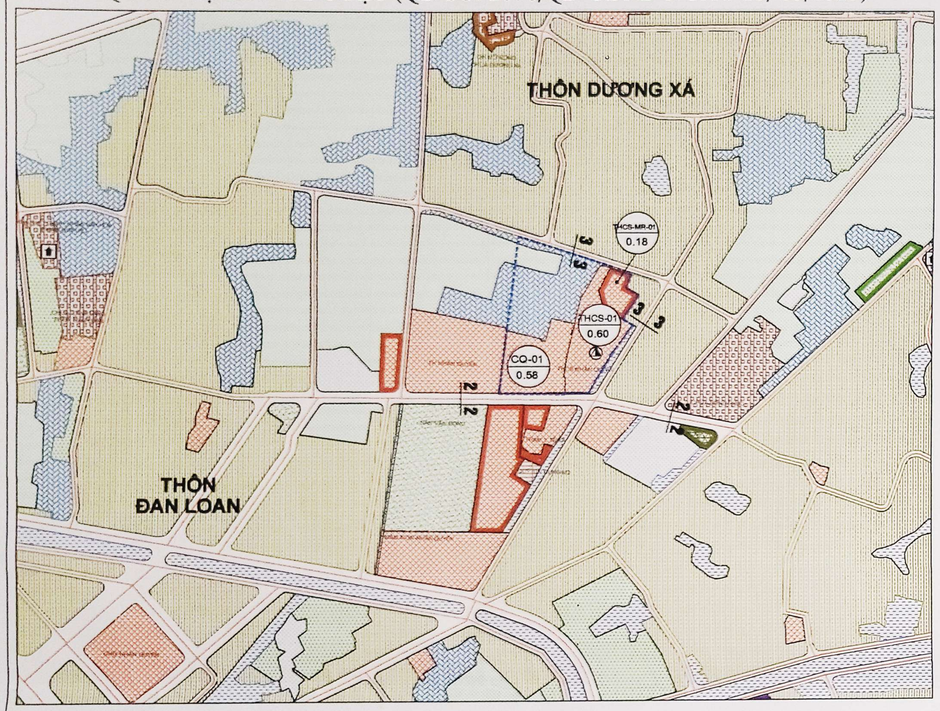

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

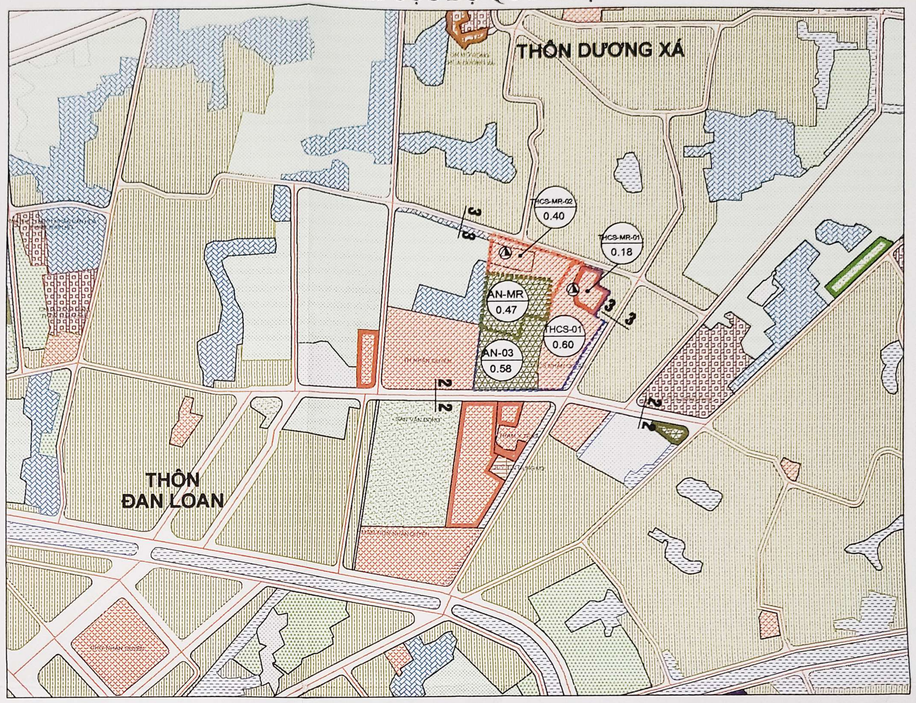

B

TỶ LỆ XÍCH

0m 100m 200m 300m 400m 500m

KÝ HIỆU

- TRƯỜNG MẦM NON
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG THCS
- BƯU ĐIỆN VĂN HÓA
- TRỤ SỞ UBND XÃ
- TRẠM Y TẾ
- SÂN THỂ DỤC THỂ THAO
- CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ
- CHỢ
- NGHĨA TRANG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 957/QĐ-UBND, NGÀY 21 THÁNG 5 NĂM 2026

CHỦ TỊCH

BÙI TRỌNG THƯỢC

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG

KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: 39/BC-KT, NGÀY 11 THÁNG 5 NĂM 2026

TRƯỞNG PHÒNG

NGUYỄN ANH TUẤN

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT:

VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 12/TTR-VP, NGÀY 11 THÁNG 5 NĂM 2026

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN MINH PHƯƠNG

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG
XÃ NHÂN QUYỀN, HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG ĐẾN NĂM 2035
(NAY THUỘC XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG)

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

BẢN VẼ: QH - 02	GHÉP: 1-A2	TỶ LỆ 1/5.000	HT: 2026
THIẾT KẾ QUY HOẠCH	KTS. NGUYỄN THỊ NGẦN		
THIẾT KẾ HTKT	KS. PHẠM ĐỨC NHƯỜNG		
CHỦ TRÌ, CHỦ NHIỆM	KTS. PHẠM QUANG ĐIỂN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN HÒA		

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN ĐAN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI MINH ĐỨC HD

ĐỊA CHỈ: SỐ 1478 CHƯƠNG DƯƠNG, PHƯỜNG TÂN HƯNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SĐT: 0815.018.889

TT	KÍ HIỆU SỬ DỤNG ĐẤT	Các giai đoạn quy hoạch		
		Hiện trạng	Quy hoạch Ngắn hạn	Quy hoạch Dài hạn
1	- Đất trồng lúa			
2	- Đất trồng trọt khác			
3	- Đất ở			
4	- Đất công cộng			
5	- Đất cây xanh, thể dục thể thao			
6	- Đất xây dựng các chức năng khác			
7	+ Đất an ninh, quốc phòng			
8	+ Đất hạ tầng kỹ thuật khác			
9	- Đất tôn giáo, tín ngưỡng			
10	- Đất nuôi thủy sản			
11	- Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng			

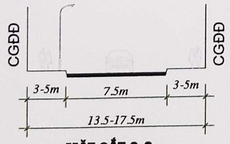

MẶT CẮT 2-2

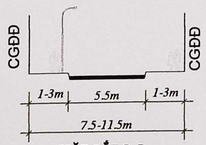

MẶT CẮT 3-3

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Mục đích sử dụng đất	QH đã duyệt đến 2030		Điều chỉnh cục bộ đến năm 2030	
		Hiện trạng	Quy hoạch	Quy hoạch	Chênh lệch
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	Tổng diện tích tự nhiên	**619.39**	**619.39**	**619.39**	**0.00**
1	**Đất nông nghiệp**	**369.84**	**115.93**	**115.06**	**-0.87**
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	357.10	95.59	95.46	-0.13
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	6.41	15.68	14.94	-0.74
2	**Đất xây dựng**	**221.08**	**486.33**	**487.20**	**0.87**
2.2	Đất công cộng	5.70	6.80	6.62	-0.18
a	*Đất xây dựng trụ sở cơ quan*	*0.58*	*0.58*	*0.00*	*-0.58*
-	*Trường THCS*	*0.60*	*0.78*	*1.18*	*0.40*
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	0.00	1.42	2.47	1.05
3	**Đất khác**	**28.47**	**17.13**	**17.13**	**0.00**